

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P1	7:25	18+4	0+0		13+4	0+0	
2		P3+RP1+VSP02	7:25	21+0+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	chuyen 2 P3- rp1
3		HST+TGTH1+AMD	7:25	4+3+11	0+0+0		4+1+14	0+0+0	ec
4		P4+PPD+BK8	9:25	15+6+1	0+0+0		13+8+1	0+0+0	
5		AMD+P4	9:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
6		MIRM+PPD	9:25	17+0	0+0		7+11	0+0	
7		P1+RC6+RCDM	11:25	20+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 2 rc6- rcdm
8		MIRM+TD5	11:25	16+0	0+0		5+13	0+0	
9		P7+MIRM+PPD	13:25	18+2+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P5 - P1	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3506	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HO THIEN TAM	P5	16	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN BAC	P5						75	KH-THAC	Vietnamese
3	LA VAN TOI	P5	07-08	2	17			92	YTE	Vietnamese
4	TRAN TRUNG HIEU	P5	09	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUANG PHUC	P5						49	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN HOANG	P5	17	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	P5	03	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
8	DO HOANG TRONG	P5	15	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P5	19-21	3	19			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	P5	04	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG BA VINH	P5	02	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DUNG	P5	10-11	2	19			87	KH-THAC	Vietnamese
13	SKOROBOGATKO IA	P5	18	1	5			87	KH-THAC	Russian
14	BOIKO D	P5	12	1	15			121	KH-THAC	Russian
15	PHAM THANH NAM	P5	13-14	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO VAN THANG	P5	05	1	5			56	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN TINH	P5	06	1	7			70	PSV	Vietnamese
18	DINH VAN LUU	P5	01	1	6			54	PSV	Vietnamese
19	BABKIN AM	P1	17	1	8			99	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN HOANG VINH	P1	14	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
21	LE QUANG TRUONG	P1	15	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN HUU DUNG	P1	16	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	18	1.327	21	171	0	0	13		
2	P1	4	336	4	28	0	0	6		
TOTAL		22	1.663	25	199	0	0	19		
WEIGHT KG			1.663		199		0			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: TRANG-1	TO: P3 - RP1 - VSP02	CREW: VTHẮNG - SON - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3510	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH VĂN THANH	P3	35	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG HỮU HẬU	P3	40-41	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN PHI DÂN	P3	42	1	7			56	YTE	Vietnamese
4	BUI THE DUONG	P3	60	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	P3	58	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	55-56	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN BUI NAM	P3	39	1	10	1	11	95	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	49	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH PHONG	P3	51	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐỨC HUNG	P3	57	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LAM	P3	52	1	6			68	CODIEN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN HOANG	P3	66-67	2	19			100	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	P3	53-54	2	14			90	CODIEN	Vietnamese
14	PHÙNG BA ĐỆ	P3	44-46	3	17			71	CODIEN	Vietnamese
15	HÀ MẠNH NAM	P3	37-38	2	14			79	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	P3	62	1	6	3	14	71	CODIEN	Vietnamese
17	BUI SONG TOAN	P3	61	1	8			73	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TỊNH	P3	59	1	10			65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TIẾN	P3	47-48	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN NAM	P3	50	1	16			80	XAYLAP	Vietnamese
21	VU XUAN TIEN	P3	43	1	10			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	21	1.574	29	213	4	25	19 ⁺ 2	CHUYEN 2 PAX P3-RP1	
2	RP1	0	0	0	0	0	0	1		
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.574	29	213	4	25	22		
WEIGHT KG			1.574		213		25			

GRAND TOTAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO:HST - TGTH1 - AMD	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3514	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	HY TAC SANG	HST	19-20	2	15			69	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	17-18	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NHA	HST	16	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHA	HST	21-22	2	16			64	CODIEN	Vietnamese
5	NGÔ QUANG HUAN	TGTH1	86	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TGTH1	87-88	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THIÊN	AMD	31	1	7			66	PSV	Vietnamese
8	TRẦN ĐAI NGHĨA	AMD	29	1	6			72	HLJOC	Vietnamese
9	HỒ ANH QUỐC	AMD	20	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	32	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	22-23	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG HỮU THUẬN	AMD	33	1	8			62	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG MINH	AMD	34	1	10	6	122	70	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	28	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HÙNG	AMD	26-27	2	9			57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ VĂN SAU	AMD	30	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	24-25	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	21	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	4	276	7	55	0	0	4		
2	TGTH1	2	138	3	20	0	0	2		
3	AMD	12	807	15	91	6	122	13		
TOTAL		18	1.221	25	166	6	122	19		
WEIGHT KG			1.221		166		122			

GRAND TOTAL: 1.509 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGUYEN DUC TRUNG

HA XUAN TRUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P4 - PPD	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3507	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	VŨ DUY TOÀN	P4	79	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	72	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	78	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	69	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	81	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẦN NGỌC TUẤN	P4	71	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THAI SƠN	P4	73	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH TUẤN	P4	70	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TẤN	P4	68	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẦN TRUNG CHÍNH	P4						63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4						61	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	80	1	4			77	KHI	Vietnamese
13	VŨ HỒNG TÍN	P4	76-77	2	16			79	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	75	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN	P4	74	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CAO	PPD	13	1	16	3	60	64	CODIEN	Vietnamese
17	HỒ CHIẾN THẮNG	PPD	11	1	11	1	10	58	CODIEN	Vietnamese
18	HOÀNG ĐỨC HAI	PPD	09-10	2	19			67	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG ANH	PPD	05	1	15	1	10	93	CODIEN	Vietnamese
20	LƯU VĂN DÂN	PPD	14	1	15	1	13	75	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	PPD	07-08	2	13			72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	15	992	14	79	0	0	14		
2	PPD	6	429	8	89	6	93	8		
TOTAL		21	1.421	22	168	6	93	22		
WEIGHT KG			1.421		168		93			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:AMD - P4	CREW: LINH - SON - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3511	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	78-79	2	15	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ MẠNH HÀ	AMD	76-77	2	7			85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH HỮU TÍNH	AMD	73	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	74	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	71	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	70	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	72	1	4			58	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN LAM THẮNG	AMD	75	1	4			86	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	95	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAM VĂN QUANG	P4	88	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG	P4	91	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ANH ĐỨC	P4	98-99	2	11			61	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN BA	P4	97	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ TÂN DŨNG	P4	87	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	92	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG TRUNG	P4	89	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI MẠNH CUƠNG	P4	96	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG MINH HOANG	P4	90	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM LÊ TUẤN	P4	94	1	7			81	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P4	86	1	11			58	KHI	Vietnamese
21	PHAN TÀI DANH	P4	93	1	4			65	KHI	Vietnamese
22	HUYNH NGỌC NHAN	P4	200	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	8	587	10	63	3	50	6		
2	P4	14	945	15	89	0	0	16		
TOTAL		22	1.532	25	152	3	50	22		
WEIGHT KG			1.532		152		50			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:MRM - PPD	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3515	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	58-59	2	13			95	AMNGR	Russian
2	KOROTKOV VICTOR	MRM	52-53	2	20			126	AMNGR	Russian
3	TARATONOV IURII	MRM	64	1	5			81	AMNGR	Russian
4	NGUYỄN THANH HIỆU	MRM	50	1	15			84	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	MRM	69-70	2	9			85	KHOAN	Vietnamese
6	DUONG MINH VIỆT	MRM	49	1	7			64	DVL	Vietnamese
7	BORIS PANKOV	MRM	47	1	13			91	HALLIBUR	Russian
8	ĐINH HOAI BẢO	MRM	48	1	15			82	HALLIBUR	Vietnamese
9	STARUNOV DENIS	MRM	62	1	9	1	17	98	AMNGR	Russian
10	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	65	1	8			83	AMNGR	Russian
11	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	66-67	2	8			80	AMNGR	Russian
12	KARNIUKHIN VITALII	MRM	0					70	AMNGR	Russian
13	EGOROV MAKSIM	MRM	54-55	2	10			67	AMNGR	Russian
14	BREZHNEV ARTEM	MRM	0					75	AMNGR	Russian
15	MIKHAEV ALEKSANDR	MRM	57	1	12			97	AMNGR	Russian
16	SEменов VASILII	MRM	60-61	2	9			80	AMNGR	Russian
17	VANEEV ALEKSANDR	MRM	56	1	12			85	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	17	1.443	21	165	1	17	7		
2	PPD	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		17	1.443	21	165	1	17	18		
WEIGHT KG			1.443		165		17			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: P1 - RC6 - RCDM	CREW: NAM - LТУÁN - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3508	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO MINH TUẤN	P1	53	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC HÙNG	P1	41	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ KIẾN TRUNG	P1	02	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG ANH HÙNG	P1	54	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	51	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	81-82	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ANH SƠN	P1	13	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ QUANG ANH	P1	83	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ VINH	P1	43	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	P1	44	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI VĂN BÌNH	P1	52	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY NGHIỆP	P1						77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THẮNG	P1	39-40	2	11			48	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM SỸ HIỆP	P1	46	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NAM CƯỜNG	P1						70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	50	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	42	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	45	1	16			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀ QUỐC VIỆT	P1	48-49	2	18			60	YTE	Vietnamese
20	KISELEV IGOR	P1	47	1	10			100	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	20	1.386	21	147	0	0	16		
2	RC6	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 2 PAX RC6-RCDM	
3	RCDM	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.386	21	147	0	0	16		
WEIGHT KG			1.386		147		0			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
LƯƠNG MẠNH TUẤN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO:MRM - TD5	CREW: MMINH - TTRUNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3516	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	MANAKOV DENIS	MRM	78-79	2	16			84	AMNGR	Russian
2	BEKESHEV TROLBEK	MRM	86-87	2	17			72	AMNGR	Russian
3	KOVALENKO ARTUR	MRM	74-75	2	19			76	AMNGR	Russian
4	GILAEV AZAT	MRM	71	1	10			95	AMNGR	Russian
5	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	77	1	11			84	AMNGR	Russian
6	LOGANOV VITALII	MRM	80	1	12			84	AMNGR	Russian
7	BOGOMOLOV DANIL	MRM	81	1	3			87	AMNGR	Russian
8	MERKULOV NIKITA	MRM	83-85	2	15			99	AMNGR	Russian
9	ANOSOV VLADIMIR	MRM	88	1	4			87	AMNGR	Russian
10	NGUYEN HUY QUANG	MRM	91-92	2	15			76	DMC-MI	Vietnamese
11	VÔ HOANG LONG	MRM	93	1	14			101	DMC-MI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGŨ	MRM	94-95	2	10	2	18	83	VŨ GIA	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI HÙNG	MRM	90	1	9			71	DVL	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN THAI	MRM	89	1	16			70	DVL	Vietnamese
15	PIKULSKII TIMUR	MRM	72-73	2	9			130	AMNGR	Russian
16	TSVETKOV OLEG	MRM	76	1	13			115	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	16	1.414	23	193	2	18	5		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		16	1.414	23	193	2	18	18		
WEIGHT KG			1.414		193		18			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

MẬU MẠNH MINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: P7 - MRM - PPD	CREW: NAM - LTUẤN - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3509	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	60	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN LƯU	P7	61	1	6			68	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ HẠNH	P7	71	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUY MẠNH	P7	67	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P7	89-90	2	12	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	P7	64	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	P7	78-79	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOANG HÙNG	P7	75-76	2	15	1	9	87	KH-THAC	Vietnamese
9	HUỶNH THANH TÂM	P7	72	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	63	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN	P7	65	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	P7	58-59	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	73-74	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGHĨA TÀI	P7	62	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC HAI	P7	66	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THUẬN	P7	68-69	2	13	1	20	80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VIỆT HÙNG	P7	70	1	6			75	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P7	92	1	6			57	PSV	Vietnamese
19	RULEV SEMEN	MRM	04	1	18			109	AMNGR	Russian
20	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	03	1	9			122	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	18	1.356	24	171	3	39	13		
2	MRM	2	231	2	27	0	0	0		
3	PPD	0	0	0	0	2	26	9		
TOTAL		20	1.587	26	198	5	65	22		
WEIGHT KG			1.587		198		65			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
LƯƠNG MẠNH TUẤN

